

BỘ NÔNG NGHIỆP-ỦY
BAN VẬT GIÁ NHÀ
NƯỚC
Số: 19/VGNN/TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 7 năm 1985

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC - BỘ NÔNG NGHIỆP SỐ 19/VGNN/TT NGÀY 2-7-1985 QUY ĐỊNH DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC ĐƯỢC HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH GIÁ VÀ BỘ NÔNG NGHIỆP QUYẾT ĐỊNH GIÁ

Căn cứ Nghị định số 33/HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng, ban hành Điều lệ quản lý giá, nay liên bộ quy định danh mục sản phẩm và dịch vụ do Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Nông nghiệp quyết định giá như sau:

I- DANH MỤC SẢN PHẨM DO ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC QUYẾT ĐỊNH GIÁ

1- Quyết định giá bán buôn xí nghiệp nông nghiệp những sản phẩm do các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp sản xuất có ghi trong chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước:

a) Sản phẩm thuộc điểm 1 mục I danh mục số 1 (kèm theo điều lệ quản lý giá do Nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 ban hành):

- Lương thực: thóc tẻ, ngô, sắn lát khô, khoai lang khô.
- Thịt lợn hơi.
- Sản phẩm cây công nghiệp: đậu tương, lạc vỏ, mía cây, đường thủ công, thuốc lá lá, cà phê, chè búp tươi, cói, đay, quế, hoa hồi, cao su, anh túc, nhựa anh túc, dừa quả, sơn ta.

b) Sản phẩm thuộc điểm 2 mục I danh mục số 2 (kèm theo Điều lệ quản lý giá do Nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 ban hành).

- Trâu, bò thịt, com dừa và dầu dừa, đậu xanh, tinh dầu quế, chè sơ chế, bông, cam và dưa xuất khẩu ở những vùng sản xuất tập trung.

2- Quyết định giá bán buôn công nghiệp (giá giao sản phẩm) - những sản phẩm do các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp sản xuất ghi trong chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước.

- Sản phẩm thuộc điểm 2, mục I danh mục số 2, (đã ghi trong điểm b mục 1 trên đây).

- Sản phẩm thuộc điểm 1 mục I danh mục số 1 (đã ghi trong điểm a mục 1 trên đây) nếu được Hội đồng Bộ trưởng uỷ quyền.

3- Quyết định giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, giá bán buôn vật tư (nếu có), những máy móc, thiết bị, phụ tùng sau:

a) Máy móc, thiết bị: máy cày, bừa, phay.

b) Phụ tùng (phụ tùng máy kéo):

- Hệ thống động cơ: Bloc xi lanh, nắp xi lanh, tay biên, quả nén, xi lanh, trục cơ, trục cam, móng đệm tây truyền, móng đệm trục khuỷu, béc ắc pít tông, vòng găng, gioăng nắp xi lanh, bạc cổ chính, bạc cổ biên, bạc đầu trên biên, ắc pít tông, supát hút, supát xả.

- Hệ thống nhiên liệu: bơm cao áp, bơm đẩy vòi phun, bộ đôi bơm cao áp, kim phun và còi kim phun, xi lanh bơm cao áp, quả nén bơm cao áp, bình lọc tinh nhiên liệu, trục quả đảo bơm cao áp.

- Hệ thống làm mát: Bơm nước, két nước, két dầu, van nhiệt.

- Hệ thống bôi trơn: bơm dầu nhờn, bình lọc dầu nhờn.

- Hệ thống truyền lực: cầu trước, cầu sau, ly hợp, hộp số (toàn bộ), trục đứng cầu trước, trục thứ cấp, các loại bánh răng hộp số, trục số lùi, cơ cấu tăng mô men quay cho bánh xích, trục sơ cấp, bán trục cầu sau.

- Hệ thống điện: máy phát điện, role điều chỉnh, máy đề.

- Hệ thống thuỷ lực: bơm thuỷ lực, hộp phân phối thuỷ lực, pít tông lực, xi lanh lực, ắc quy thuỷ lực.

- Hệ thống điều khiển: tay lái, bơm trợ lực tay lái, bộ phận trợ lực lái thuỷ lực, mô và cơ cấu hình thang của cơ cấu lái.

II- DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO BỘ NÔNG NGHIỆP QUYẾT ĐỊNH GIÁ

1- Giá bán buôn xí nghiệp nông nghiệp, giá bán buôn công nghiệp (giá giao sản phẩm) của những sản phẩm do các đơn vị trực thuộc Bộ sản xuất (ngoài những thứ ghi trong điểm 1 mục I danh mục số 1 và Điều 2 mục I danh mục số 2 ban hành kèm theo Điều lệ quản lý giá):

- Sản phẩm ngành chăn nuôi trâu bò sữa.

- Sản phẩm của ngành nuôi ong.